

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019
HUYỆN BÀU BÀNG – TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bàu Bàng, năm 2018

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết phải tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Đất đai là tài sản chung của mỗi quốc gia, vừa là tư liệu vừa là đối tượng sản xuất và cũng là nơi xây dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế, dân sinh và quốc phòng an ninh. Quá trình khai thác sử dụng đất đai luôn gắn liền với quá trình phát triển của xã hội. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất càng cao, trong khi đó đất đai lại có hạn và ngày càng trở nên quý giá. Chính vì vậy, việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững luôn là nhu cầu cấp thiết, đòi hỏi phải cân nhắc kỹ càng và hoạch định khoa học.

Điều 4, Luật Đất đai 2013 quy định “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo nguyên tắc “Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất ” khoản 1 – điều 6 – Luật Đất đai. Đồng thời, tại điều 37 cũng quy định kỳ quy hoạch sử dụng đất là 10 năm; kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Bàu Bàng đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 27/03/2014. Trên cơ sở đó cùng với theo yêu cầu của Luật Đất đai 2013, UBND huyện Bàu Bàng cũng đã tiến hành xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm (năm 2015, 2016, 2017 và 2018) làm cơ sở để các cơ quan, ban ngành có chức năng thực hiện công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất cho các cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Đất đai. Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn Huyện, theo quy định tại điều 52 – Luật đất đai 2013 cần thiết phải tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất.

Tên dự án: Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Bàu Bàng.

- Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân huyện Bàu Bàng.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Mục đích lập kế hoạch sử dụng đất

- Đánh giá kết quả, những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của Huyện. Phân bổ đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2019 trên địa bàn huyện Bàu Bàng.

- Tạo căn cứ pháp lý để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2019 cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn huyện.

3. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được quy định tại Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm các nội dung chính sau:

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.
- Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.
- Thẩm định, phê duyệt và công bố công khai.

4. Cơ sở pháp lý

Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Bàu Bàng được xây dựng dựa vào những cơ sở pháp lý sau:

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
- Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Thông tư 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Công văn số 2505/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 08/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai một số nội dung quản lý đất đai sau khi Luật Đất đai có hiệu lực thi hành.
- Văn bản số 2326/UBND-KTN ngày 18/7/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai một số nội dung quản lý đất đai sau khi Luật Đất đai có hiệu lực thi hành.
- Công văn 5630/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 19/10/2017 về việc lập KHSĐĐ năm 2018 cấp huyện.
- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bình Dương.
- Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025.
- Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Bàu Bàng.
- Quyết định phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) các xã thuộc huyện Bàu Bàng.
- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND9 ngày 12/08/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 59/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Bàu Bàng.

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 20/07/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 59/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 28/08/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Bàu Bàng.

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bàu Bàng.

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 2068/QĐ-UBND về việc bổ sung danh mục dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bàu Bàng.

- Công văn số 4193/STNMT-CCQLĐĐ ngày 13/09/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc lập danh mục công trình dự án phải thông qua Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện.

5. Các sản phẩm giao nộp

Loại sản phẩm, yêu cầu về nội dung, tính pháp lý và kỹ thuật của các sản phẩm được quy định tại Thông tư 29/2014/TT-BTNMT bao gồm :

- Báo cáo thuyết minh kèm theo phụ biểu số liệu.
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2019, tỷ lệ 1/25.000.
- CD ghi các sản phẩm trên (báo cáo, số liệu, các loại bản đồ số).

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

Danh mục dự án công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn huyện Bàu Bàng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương thông qua tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017. Trên cơ sở đó, UBND huyện Bàu Bàng đã xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2018 và đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017.

Nhằm đáp ứng nhu cầu đăng ký bổ sung các danh mục công trình trong năm kế hoạch 2018, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương cũng đã thông qua Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017, trong đó có bổ sung danh mục công trình thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn huyện Bàu Bàng. Bên cạnh đó, ngày 27/07/2018 UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 2068/QĐ-UBND về việc bổ sung danh mục dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bàu Bàng.

Kết quả thực hiện danh mục công trình và các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2018 huyện Bàu Bàng được đánh giá dựa trên Nghị quyết số 31/NQ-HĐND, Quyết định số 3823/QĐ-UBND và kết quả bổ sung tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND và Quyết định số 2068/QĐ-UBND. Cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

Tổng số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 101 công trình, dự án với tổng diện tích 2.458,22ha. Trong đó:

- Tổng số công trình, dự án theo Nghị quyết 31/NQ-HĐND và Quyết định 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 là 84 công trình với tổng diện tích 2.191,23ha.
- Tổng số công trình, dự án bổ sung theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND và Quyết định số 2068/QĐ-UBND là 17 công trình, dự án với tổng diện tích 266,99ha.

Kết quả thực hiện trong năm 2018 như sau:

- (1). **Công trình đã thực hiện:** 14 công trình với tổng diện tích 129,17ha.
- (2). **Công trình đang thực hiện, đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần:** 52 công trình với tổng diện tích là 1.307,77ha.

Như vậy, nếu tính tổng (1) và (2), thì **các công trình đã hoặc đang thực hiện trong năm 2018 là 66 công trình với tổng diện tích 1.436,95ha (chiếm 66,35% tổng số công trình trong năm kế hoạch và 58,45% DT theo kế hoạch năm 2018).**

- (3). **Công trình chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2019:** 26 công trình với tổng diện tích là 829,89ha, chiếm 33,76% tổng diện tích đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2018. Nguyên nhân diện tích các công trình chưa thực hiện chiếm tỷ lệ cao so với tổng diện tích đưa vào thực hiện theo kế hoạch là do công trình có diện tích lớn như khu công nghiệp Cây Trường chưa

được chủ đầu tư đưa vào thực hiện (diện tích 700ha, chiếm 28,48% tổng diện tích đưa vào thực hiện năm 2018).

(4). Công trình không thực hiện, đề xuất đưa khỏi KHSDD năm 2019: 09 công trình với tổng diện tích 191,38ha.

Kết quả thực hiện từng danh mục công trình, dự án trong năm kế hoạch được thể hiện cụ thể ở phụ biểu 01.

Bảng 1: Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án trong năm kế hoạch 2018 huyện Bàu Bàng – tỉnh Bình Dương

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch năm 2018		Kết quả thực hiện							
					Đã thực hiện		Đang thực hiện		Chưa thực hiện/chuyển tiếp		Điều chỉnh khỏi kế hoạch	
			Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		101	2.458,22	14	129,17	52	1.307,77	26	829,89	9	191,38
1	Đất quốc phòng	CQP	3	3,30			2	2,80	1	0,50		
2	Đất an ninh	CAN	3	1,62							3	1,62
3	Đất khu công nghiệp	SKK	3	1.606,96			2	906,96	1	700,00		
4	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC	7	124,09	4	12,15	2	4,44		27,50	1	80,00
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD		7,50		0,24				7,26		
6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	50	226,08	8	100,78	17	69,21	21	31,32	4	24,76
-	Đất giao thông	DGT	19	110,74	5	52,61	6	53,78	7	4,34	1	0,00
-	Đất thủy lợi	DTL	3	67,20	1	43,00					2	24,20
-	Đất công trình năng lượng	DNL	11	14,34	2	5,18	1	0,30	8	8,86		
-	Đất cơ sở văn hoá	DVH	8	19,38			4	4,46	4	14,92		
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	7	10,49			4	6,73	2	3,20	1	0,56
-	Đất cơ sở y tế	DYT	1	3,43			1	3,43				
-	Đất chợ	DCH	1	0,50			1	0,50				
7	Đất ở	ONT	12	323,09	1	14,83	11	286,69		21,57		
8	Đất nghĩa trang nghĩa địa	NTD	2	3,50					2	3,50		
9	Đất sản xuất VLXD	SKX	2	29,69			2	29,69				
10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15	7,94			15	7,94				
11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3	0,45	1	0,10	1	0,05	1	0,30		
12	Đất khu vui chơi giải trí	DKV		15,00						15,00		
13	Đất nông nghiệp khác	NKH		24,00		1,07				22,93		
14	Quỹ đất SD thanh toán cho DA BT		1	85,00							1	85,00

Nguồn: - Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 và Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 27/07/2018; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 và Quyết định số 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017.
- Chi tiết kết quả thực hiện từng dự án được thể hiện trong phụ lục 1 đính kèm.

Cụ thể chia theo từng năm kế hoạch như sau:

- **Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2015:** là 8 công trình với tổng diện tích là 958,96ha, trong đó:

+ Công trình đã thực hiện: 2 công trình với diện tích 56,9ha.

+ Công trình đang thực hiện, đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần: 4 công trình với tổng diện tích là 897,12ha.

+ Công trình chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2019 là 1 công trình với diện tích là 4,61ha.

- **Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2016:** là 18 công trình với tổng diện tích là 59,28ha, trong đó:

+ Công trình đã thực hiện: 1 công trình với diện tích là 43ha.

+ Công trình đang thực hiện, đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần: 17 công trình với tổng diện tích là 16,28ha.

- **Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2017:** là 26 công trình với tổng diện tích là 793,45ha, trong đó:

+ Công trình đã thực hiện: 4 công trình với diện tích 0,82ha.

+ Công trình đang thực hiện, đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần: 9 công trình với tổng diện tích là 76,56ha.

+ Công trình chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2019 là 11 công trình với tổng diện tích là 714,77ha.

+ Công trình không thực hiện, đề xuất đưa khỏi KHSDĐ năm 2019 là 02 công trình với tổng diện tích 1,3ha; gồm: công an xã Hưng Hòa (diện tích là 0,3ha) và công an xã Tân Hưng (diện tích là 1,0ha).

- **Công trình đăng ký năm 2018:** là 49 công trình với tổng diện tích là 646,54ha, trong đó:

+ Công trình đã thực hiện: 7 công trình với diện tích 28,45ha.

+ Công trình đang thực hiện, đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần: 22 công trình với tổng diện tích là 317,82ha.

+ Công trình chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2019 là 14 công trình với tổng diện tích là 110,50ha.

+ Công trình không thực hiện, đề xuất đưa khỏi KHSDĐ năm 2019 là 06 công trình với tổng diện tích 189,76ha; gồm: Dự án tuyến ống dẫn nước về trung tâm đô thị Bắc Bình Dương (diện tích là 22,2ha), Trạm cấp nước xã Tân Hưng (diện tích là 2ha), Dự án sản xuất tại xã Long Nguyên (diện tích là 80ha), Quỹ đất sử dụng thanh toán cho dự án BT (diện tích là 85ha), Đường giao thông từ nhà ông Mười Lượm - Lô cao su (diện tích là 0,004ha) và Mở rộng trường học phân hiệu 8, ấp Đồng Chèo (diện tích là 0,56ha).

Bên cạnh đó, kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân năm 2018 như sau:

Bảng 2: Kết quả thực hiện chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân năm 2018 huyện Bàu Bàng

TT	Đơn vị hành chính	Kế hoạch được duyệt (ha) *	Kết quả thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)*100/(3)
	Tổng cộng	96,00	16,99	17,70
1	Cây Trường 2	7,00	0,55	7,81
2	Trừ Văn Thố	22,00	5,62	25,53
3	Tân Hưng	7,50	0,44	5,83
4	Long Nguyên	15,00	4,17	27,82
5	Lai Uyên	27,00	3,01	11,17
6	Lai Hưng	12,50	2,64	21,08
7	Hung Hòa	5,00	0,56	11,26

(*) KH năm 2018 trích theo QĐ số 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 và QĐ số 2068/QĐ-UBND ngày 27/07/2018 của UBND tỉnh Bình Dương

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

Số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2018 được xây dựng dựa trên số liệu thống kê đất đai ngày 31/12/2017 cùng với kết quả ước thực hiện các công trình, dự án và chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân trong năm 2018. Số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2018 dùng để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch là số liệu được duyệt theo Quyết định số 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 và Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 27/07/2018 của UBND tỉnh Bình Dương. Cụ thể, so với Quyết định số 3823/QĐ-UBND, chỉ tiêu sử dụng đất năm kế hoạch 2018 theo Quyết định số 2068/QĐ-UBND sẽ điều chỉnh tăng 106,36ha do bổ sung diện tích 09 công trình (thu hồi 2 công trình với tổng diện tích 2,41ha và chuyển mục đích sử dụng đất 7 công trình với tổng diện tích 103,95ha). Đối với 7 công trình giao thuê đất (các khu dân cư 5A, 5B, 5C, 5D và 5F, khu KTX nhân viên, KDC Lai Hưng và KCN Bàu Bàng) với tổng diện tích 145,87ha đã được thống kê vào quỹ đất hiện trạng.

Kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2018 như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp

Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2018 đất nông nghiệp còn 26.317,95ha, kết quả ước thực hiện năm 2018 diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Bàu Bàng còn 28.341,07ha, cao hơn 2.023,13ha so với kế hoạch được duyệt năm 2018. Nguyên nhân chung nhất là các công trình phi nông nghiệp chu chuyển từ quỹ đất nông nghiệp chưa được đưa vào triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành nên chưa được thống kê, đặc biệt là các công trình có diện tích lớn như: khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (892ha), khu công nghiệp Cây Trường (700ha),... Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2018 còn lại 630,72ha, kết quả ước thực hiện năm 2018 là 629,1ha, thực hiện thấp hơn 1,62ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do trong năm 2018 các

hộ gia đình, cá nhân đã chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm sang đất ở và đất sản xuất kinh doanh cao hơn kế hoạch.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2018 là 25.491,97ha, kết quả ước thực hiện năm 2018 là 27.537,03ha, cao hơn 2.045,07ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình phi nông nghiệp chu chuyển từ quỹ đất cây lâu năm chưa được đưa vào triển khai thực hiện như kế hoạch hoặc đang được triển khai thực hiện nhưng chưa hoàn tất các thủ tục.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2018 là 12,79ha, kết quả thực hiện năm 2018 là 12,80ha, cơ bản phù hợp với kế hoạch được duyệt.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2018 là 184,09ha, kết quả thực hiện năm 2018 là 160,52ha, chỉ chuyển mục đích được 1,07ha so với 24,64ha theo kế hoạch.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp

Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2018, đất phi nông nghiệp có diện tích là 7.684,16ha, kết quả ước thực hiện năm 2018 là 5.661,04ha, thấp hơn 2.023,12ha so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch được duyệt năm 2018 là 31,44ha, thực hiện đạt 18,77ha, thấp hơn 12,67ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình đất quốc phòng như Nhà quân sự (xã Tân Hưng), trụ sở xã đội xã Hưng Hòa và Trung đội dân quân thường trực (Lai Uyên) chưa đưa vào triển khai thực hiện.

- Đất an ninh: Kế hoạch năm 2018 được duyệt là 43,57ha, thực hiện đạt 41,65ha, thấp hơn 1,92ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do công trình trụ sở công an các xã Hưng Hòa, Tân Hưng và Trù Văn Thổ chưa được đưa vào thực hiện như kế hoạch.

- Đất khu công nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2018 có diện tích là 2.591,26ha, kết quả ước thực hiện năm 2018 là 1.094,23ha, thấp hơn 1.497,03ha so với kế hoạch được duyệt. Theo kế hoạch được duyệt, năm 2018 sẽ đưa vào thực hiện 02 dự án khu công nghiệp Cây Trường (700ha) và Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (892,2ha); tuy nhiên, đến nay chỉ có khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (892,20ha) đang được triển khai thực hiện và được chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2019.

- Đất thương mại dịch vụ: Chỉ tiêu diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2018 là 80,09ha, kết quả ước thực hiện năm 2018 là 72,35ha, thấp hơn 7,74ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chỉ chuyển mục đích được 0,25ha trong tổng diện tích 7,99ha của các xã đăng ký chuyển mục đích trong năm 2018.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu diện tích theo kế hoạch được duyệt là 875,99ha, diện tích ước thực hiện năm 2018 là 764,09ha, thấp hơn 111,9ha và chỉ đạt 9,80% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chính là do chủ đầu tư dự án sản xuất tại Long Nguyên (80ha) đề xuất điều chỉnh khỏi kế hoạch và diện tích chuyển mục đích đất sản xuất kinh doanh ở các xã thực hiện còn thấp so với tổng

diện tích đăng ký trong năm kế hoạch (chỉ chuyển mục đích được 6,5ha trong tổng 34ha đăng ký năm 2018).

- Đất phát triển hạ tầng: Kế hoạch được duyệt năm 2018 có diện tích là 1.933,34ha, thực hiện đạt 1.803,44ha, thấp hơn 129,91ha và đạt 93,28% so với kế hoạch được duyệt. Đến nay, đã và đang thực hiện 25/50 công trình (8/50 công trình đã thực hiện và 17/50 công trình đang thực hiện). Trong 25 công trình dự án chưa thực hiện, công trình thuộc chỉ tiêu đất năng lượng (trạm biến áp và đường dây đầu nối) và chỉ tiêu đất giao thông (các tuyến giao thông nông thôn) chiếm tỷ lệ lớn nhất với 8 công trình/chỉ tiêu sử dụng đất.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Năm 2018 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất có di tích lịch sử văn hóa. Diện tích năm 2018 là 2,25ha.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Năm 2018 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải. Diện tích năm 2018 là 2,61ha.

- Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch được duyệt là 1.629,63ha, kết quả ước thực hiện là 654,46ha, thấp hơn 975,17ha so với kế hoạch. Nguyên nhân là do thống kê đất đai năm 2017 đã thống kê diện tích đất ở xã Lai Uyên vào quỹ đất ở nông thôn với diện tích là 815ha, nay chuyển quỹ đất này sang đất ở đô thị do thành lập thị trấn Lai Uyên từ xã Lai Uyên theo Nghị quyết 535/NQ-UBTVQH14 ngày 11/07/2018. Bên cạnh đó, do diện tích chuyển mục đích sử dụng của các hộ gia đình thấp hơn kế hoạch (6,16ha/24,5ha ở 6 xã) và các dự án nhà ở có diện tích lớn hiện mới đang được đưa vào triển khai thực hiện nên chưa được thống kê vào quỹ đất hiện trạng như khu dân cư ấp Bà Tứ (71ha ở Cây Trường 2), khu nhà ở nông thôn Nam Long (23,02ha ở Lai Hưng), khu nhà ở Nam Long 3 (16,7ha ở Long Nguyên) và khu nhà ở nông thôn Nam Long 2 (30,01ha ở Trừ Văn Thố).

- Đất ở tại đô thị: Diện tích ước thực hiện năm 2018 là 815ha. Các dự án giao đất thuộc các khu dân cư 5A, 5B, 5C, 5D, 5E và 5F hiện đang được đưa vào triển khai.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch 2018 có diện tích là 37,66ha, diện tích ước thực hiện năm 2018 là 37,55ha, thấp hơn 0,11ha so với kế hoạch do công trình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã Hưng Hòa hiện đang được thực hiện. Đối với các công trình thuộc Khu trung tâm hành chính và các công trình công cộng huyện Bàu Bàng hiện đang trình Tỉnh thu hồi đất.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Năm 2018, không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp. Diện tích theo kết quả thống kê đất đai ngày 31/12/2017 là 0,41ha.

- Đất tôn giáo: Năm 2018, không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu đất tôn giáo. Diện tích theo kết quả thống kê đất đai ngày 31/12/2017 là 4,78ha.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Kế hoạch được duyệt năm 2018 là 40,65ha, kết quả ước thực hiện là 36,15ha, thấp hơn 4,50ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do công trình đất nghĩa địa tại xã Long Nguyên và

công viên văn hóa nghĩa trang huyện Bàu Bàng chưa được đưa vào triển khai thực hiện.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gồm sừ: Kế hoạch được duyệt năm 2018 là 81,64ha, kết quả ước thực hiện năm 2018 là 51,95ha, thấp hơn 29,69ha so với kế hoạch do hai dự án là khu khai thác sét gạch ngói ở Long Nguyên (Công ty cổ phần VLXD Bình Dương, diện tích 4,69ha) và mỏ sét Long Nguyên (Becamex, diện tích 25ha) hiện đang đưa vào triển khai thực hiện.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch được duyệt năm 2018 có diện tích là 6,21ha, thực hiện 5,86ha, thấp hơn 0,35ha và đạt 22,12% so với kế hoạch được duyệt. Trong 3 công trình đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch 2018, chỉ có công trình văn phòng ấp Bến Tượng đã thực hiện, hai công trình là văn phòng ấp Bàu Bàng và văn phòng ấp Đồng Chèo hiện mới đang được triển khai thực hiện (Vp. ấp Bàu Bàng) hoặc chưa được đưa vào triển khai thực hiện (Vp. ấp Đồng Chèo).

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Kế hoạch được duyệt năm 2018 có diện tích là 67,44ha, kết quả thực hiện là 0,12ha, thấp hơn 67,32ha so với kế hoạch. Nguyên nhân kết quả đạt thấp là do thống kê đất đai ngày 31/12/2016 đã thống kê diện tích đất cây xanh trong các khu dân cư, khu công nghiệp vào đất khu vui chơi giải trí; thống kê đất đai ngày 31/12/2017 đã thống kê diện tích đất này vào lại đất khu dân cư, đất khu công nghiệp. Bên cạnh đó, trong năm kế hoạch, quỹ đất dự trữ để xây dựng khu vui chơi giải trí công cộng với diện tích 15ha vẫn chưa được đưa vào triển khai thực hiện.

- Đất tín ngưỡng: Năm 2018 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất tín ngưỡng. Diện tích năm 2018 là 0,92ha.

- Đất sông ngòi, kênh rạch: Năm 2018 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất này. Diện tích năm 2018 là 226,62ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Năm 2018 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất mặt nước chuyên dùng. Diện tích năm 2018 là 27,37ha.

- Đất phi nông nghiệp khác: Năm 2018 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất này. Diện tích năm 2018 là 0,45ha.

Bảng 3: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bàu Bàng – tỉnh Bình Dương

Số TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2017 ⁽¹⁾ (ha)	Kế hoạch năm 2018 ⁽²⁾ (ha)	Thực hiện năm 2018 ⁽³⁾ (ha)	Kết quả thực hiện			
					Diện tích thực hiện theo KH	Diện tích đã thực hiện	So sánh	
							Tăng, giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(3)	(7)=(5)-(3)	(8)=(5)-(4)	(9)=(7)/(6)*100
	Tổng diện tích tự nhiên	34.002,11	34.002,11	34.002,11		0,00	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	28.469,42	26.317,95	28.341,07	-2.151,47	-128,35	2.023,13	5,97
1.1	Đất trồng lúa							
<i>Đó</i>	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>							
1.2	Đất trồng cây HN khác	631,84	629,10	630,72	-2,74	-1,12	1,62	40,82

Số TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2017 ⁽¹⁾ (ha)	Kế hoạch năm 2018 ⁽²⁾ (ha)	Thực hiện năm 2018 ⁽³⁾ (ha)	Kết quả thực hiện			
					Diện tích thực hiện theo KH	Diện tích đã thực hiện	So sánh	
							Tăng, giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(3)	(7)=(5)-(3)	(8)=(5)-(4)	(9)=(7)/(6)*100
1.3	Đất trồng cây lâu năm	27.665,33	25.491,97	27.537,03	-2.173,36	-128,30	2.045,07	5,90
1.4	Đất rừng phòng hộ							
1.5	Đất rừng đặc dụng							
1.6	Đất rừng sản xuất							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	12,80	12,79	12,80	-0,01		0,01	
1.8	Đất làm muối							
1.9	Đất nông nghiệp khác	159,45	184,09	160,52	24,64	1,07	-23,57	4,34
2	Đất phi nông nghiệp	5.532,69	7.684,16	5.661,04	2.151,47	128,35	-2.023,12	5,97
2.1	Đất quốc phòng	18,77	31,44	18,77	12,67		-12,67	
2.2	Đất an ninh	41,65	43,57	41,65	1,92		-1,92	
2.3	Đất khu công nghiệp	1.094,23	2.591,26	1.094,23	1.497,03		-1.497,03	
2.4	Đất khu chế xuất							
2.5	Đất cụm công nghiệp							
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	72,10	80,09	72,35	7,99	0,25	-7,74	3,13
2.7	Đất cơ sở SX PNN	751,94	875,99	764,09	124,05	12,15	-111,90	9,80
2.8	Đất sử dụng cho KS							
2.9	Đất phát triển hạ tầng	1.702,42	1.933,34	1.803,44	230,92	101,02	-129,91	43,74
2.10	Đất có di tích lịch sử - VH	2,25	2,25	2,25				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh							
2.12	Đất bãi thải, XLCT	2,61	2,61	2,61				
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.454,64	1.629,63	654,46	174,99	-800,18	-975,17	-457,27
2.14	Đất ở tại đô thị			815,00		815,00	815,00	
2.15	Đất XD trụ sở cơ quan	37,55	37,66	37,55	0,11		-0,11	
2.16	Đất XD trụ sở của TCSN	0,41		0,41	-0,41		0,41	
2.17	Đất XD cơ sở ngoại giao							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	4,78	4,78	4,78				
2.19	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	36,15	40,65	36,15	4,50		-4,50	
2.20	Đất sản xuất VLXD	51,95	81,64	51,95	29,69		-29,69	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	5,76	6,21	5,86	0,45	0,10	-0,35	22,12
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,12	67,44	0,12	67,32		-67,32	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,92	0,92	0,92				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch	226,62	226,61	226,62	-0,01		0,01	
2.25	Đất có MN chuyên dùng	27,37	27,61	27,37	0,24		-0,24	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	0,45	0,45	0,45				
3	Đất chưa sử dụng							

Nguồn: (1) Diện tích theo kết quả thống kê đất đai ngày 31/12/2017 của huyện Bàu Bàng

(2) KH năm 2018 trích theo QĐ số 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương và QĐ số 2068/QĐ-UBND ngày 27/07/2018 của UBND tỉnh Bình Dương

(3) Kết quả thực hiện là kết quả của số liệu thống kê đất đai ngày 31/12/2017 và kết quả ước thực hiện năm 2018.

III. NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

1. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018

Nhìn chung, kế hoạch sử dụng đất được duyệt đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn Huyện, nhất là trong công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất... Tuy nhiên, qua đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho thấy vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Thông thường các công trình, dự án phi nông nghiệp phải mất thời gian trong khảo sát thiết kế, đền bù giải tỏa và xây dựng, trong khi kế hoạch sử dụng đất xây dựng hàng năm (thời gian thực hiện ngắn) nên kết quả thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra. Vì vậy, các công trình dự án chưa thực hiện, có thể chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm sau.

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng cao; một số công trình, dự án kêu gọi nguồn vốn xã hội hoá để triển khai dự án. Vì vậy, nhiều công trình, dự án phải chuyển đầu tư sang năm 2019.

2. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện KHSDD năm 2018

- Nhà nước rất khó điều phối việc sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất vì quy định của các dự án kinh doanh phải thỏa thuận chuyển nhượng đất với người đang sử dụng đất.

- Nhiều chủ đầu tư đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch nhưng chưa cân nhắc đến khả năng triển khai dự án, trong khi thiếu chế tài để xử lý các trường hợp này. Dẫn đến, nhiều công trình, dự án phải chuyển tiếp sang năm sau.

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thường giải quyết theo phương thức hợp thức hóa theo yêu cầu, nhà đầu tư thỏa thuận bồi thường đền bù thì giải quyết giao đất hoặc cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư đến đó.

- Tiến độ đầu tư xây dựng các dự án chậm:

+ Khi giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, không xác định được năng lực của nhà đầu tư. Một số dự án đầu tư thiếu vốn dẫn đến dự án chậm triển khai không thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

+ Kế hoạch sử dụng đất chưa chú trọng nhiều đến việc xem xét khả năng tài chính để thực hiện, chưa dự báo được tình hình biến động của thị trường, những ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế trong nước và cả tác động của kinh tế thế giới đến việc sử dụng đất làm cho kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi thấp và thường xuyên thay đổi.

PHẦN II
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019
HUYỆN BÀU BÀNG – TỈNH BÌNH DƯƠNG

I. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở kết quả đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các ngành, các cấp có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2019, dự báo nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện Bầu Bàng như sau:

- *Đất nông nghiệp*: 26.272,79ha, chiếm 77,27% diện tích tự nhiên và giảm 2.068,28ha so với năm 2018. Diện tích đất nông nghiệp giảm do chu chuyển sang quỹ đất phi nông nghiệp, chiếm diện tích lớn là đất khu công nghiệp, đất phát triển hạ tầng và đất ở (các khu dân cư).

- *Đất phi nông nghiệp*: 7.729,32ha, chiếm 22,73% DTTN, tăng 2.068,28ha so với năm 2018, chu chuyển tăng từ quỹ đất nông nghiệp (đất cây lâu năm).

Cụ thể số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2019 như sau:

**Bảng 4: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2019
huyện Bầu Bàng – tỉnh Bình Dương**

S T T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng cộng		Đăng ký mới năm 2019		Chuyển tiếp từ KHSDĐ 2015-2018	
			Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		102	2.273,02	24	214,53	78	2.058,49
1	Đất quốc phòng	CQP	3	3,30			3	3,30
2	Đất an ninh	CAN	1	0,50	1	0,50		
3	Đất khu công nghiệp	SKK	3	1.606,96			3	1.606,96
4	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC	9	71,78	7	67,25	2	4,53
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	3	8,51	3	8,51		
6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	46	126,46	8	25,93	38	100,53
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	20	82,80	7	24,68	13	58,12
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>						
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	10	10,42	1	1,25	9	9,16
-	<i>Đất cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	8	19,38			8	19,38
-	<i>Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	6	9,93			6	9,93
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	1	3,43			1	3,43
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	1	0,50			1	0,50
7	Đất ở tại nông thôn	ONT	6	182,51	1	22,64	5	159,87
8	Đất ở tại đô thị	ODT	9	181,02	3	54,20	6	126,82
9	Đất nghĩa trang nghĩa địa	NTD	2	3,50			2	3,50
10	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	2	29,69			2	29,69
11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15	7,94			15	7,94
12	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2	0,35			2	0,35
13	Đất khu vui chơi giải trí	DKV		15,00				15,00
14	Đất nông nghiệp khác	NKH	1	35,50	1	35,50		

Tổng số công trình, dự án trong năm kế hoạch 2019 là 102 công trình, dự án với tổng diện tích 2.273,02ha. Cụ thể:

- Công trình đăng ký mới năm 2019: 24 công trình với tổng diện tích 214,53ha.

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2015, năm 2016, năm 2017 và năm 2018 là 78 công trình với tổng diện tích 2.058,49ha. Cụ thể:

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2018: 36 công trình với tổng diện tích 349,15ha.

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2017: 20 công trình với tổng diện tích 791,33ha.

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2016: 17 công trình với tổng diện tích 16,28ha.

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2015: 5 công trình với tổng diện tích 901,73ha.

2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm KHSDĐ 2019 trên địa bàn huyện Bầu Bàng như sau:

Bảng 5: Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Bầu Bàng

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2018		Kế hoạch năm 2019		Tăng (+) giảm (-)	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		34.002,11	100,00	34.002,11	100,00		
1	Đất nông nghiệp	NNP	28.341,07	83,35	26.272,79	77,27	-2.068,28	-6,08
1.1	Đất trồng lúa	LUA						
	<i>Tr. đ.đ: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	630,72	1,85	628,72	1,85	-2,00	-0,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	27.537,03	80,99	25.435,25	74,80	-2.101,78	-6,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12,80	0,04	12,80	0,04		
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	160,52	0,47	196,02	0,58	35,50	0,10
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.661,04	16,65	7.729,32	22,73	2.068,28	6,08
2.1	Đất quốc phòng	CQP	18,77	0,06	22,07	0,06	3,30	0,01
2.2	Đất an ninh	CAN	41,65	0,12	42,15	0,12	0,50	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.094,23	3,22	2.686,43	7,90	1.592,20	4,68
2.4	Đất khu chế xuất	SKT						
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN						
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	72,35	0,21	80,86	0,24	8,51	0,03
2.7	Đất CSSX phi nông nghiệp	SKC	764,09	2,25	835,87	2,46	71,78	0,21
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.803,44	5,30	1.929,47	5,67	126,04	0,37
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,25	0,01	2,25	0,01		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,61	0,01	2,61	0,01		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	654,46	1,92	817,70	2,40	163,24	0,48
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	815,00	2,40	869,07	2,56	54,07	0,16
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	37,55	0,11	37,66	0,11	0,11	0,00

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2018		Kế hoạch năm 2019		Tăng (+) giảm (-)	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức SN	DTS	0,41	0,00	0,41	0,00		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,78	0,01	4,78	0,01		
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	36,15	0,11	39,65	0,12	3,50	0,01
2.20	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	51,95	0,15	81,64	0,24	29,69	0,09
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,86	0,02	6,21	0,02	0,35	0,00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,12	0,00	15,12	0,04	15,00	0,04
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,92	0,00	0,92	0,00		
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	226,62	0,67	226,62	0,67		
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	27,37	0,08	27,37	0,08		
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,45	0,00	0,45	0,00		
3	Đất chưa sử dụng	CSD						
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN						
5	Đất khu kinh tế*	KKT						
6	Đất đô thị*	KDT	8.835,93	25,99	8.835,93	25,99		

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2019 do cấp tỉnh phân bổ

Căn cứ theo khoản 3 – điều 3 – thông tư 29/2014/TT-BTNMT, các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ như sau:

2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp

Năm 2019, đất nông nghiệp toàn huyện có diện tích là 26.272,79ha, giảm 2.068,28ha so với năm 2018 do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

(1). **Đất trồng cây hàng năm khác:** Kế hoạch năm 2019 có diện tích 628,72ha, giảm 2,0ha so với hiện trạng năm 2018. Diện tích giảm là do chuyển sang đất ở tại nông thôn.

(2). **Đất trồng cây lâu năm:** Kế hoạch năm 2019 diện tích đất cây lâu năm là 25.435,25ha, giảm 2.101,78ha so với hiện trạng năm 2018 do chuyển sang xây dựng các công trình phi nông nghiệp (2.066,28ha) và đất nông nghiệp khác (35,5ha).

(3). **Đất nuôi trồng thủy sản:** Năm 2019 có diện tích là 12,8ha, ổn định diện tích so với năm 2018.

2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn huyện Bàu Bàng là 7.729,32ha, tăng 2.068,28ha so với hiện trạng năm 2018, diện tích tăng thêm được chủ yếu từ quỹ đất cây lâu năm. Cụ thể từng chỉ tiêu trong đất phi nông nghiệp như sau:

(1). **Đất quốc phòng:** Năm 2019 có diện tích là 22,07ha, tăng 3,30ha so với hiện trạng năm 2018. Cụ thể bố trí quỹ đất xây dựng 03 công trình sau:

- Công trình chuyển tiếp từ KHSĐĐ năm 2018: Trung đội dân quân thường trực, diện tích 0,5ha.

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2017: Nhà quân sự ở xã Tân Hưng, diện tích 0,58ha.

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2015: Trụ sở xã đội xã Hưng Hòa, diện tích 2,22ha.

(2). Đất an ninh: Năm 2019, đất an ninh có diện tích là 42,15ha, tăng 0,5ha so với hiện trạng năm 2018 do bố trí quỹ đất xây dựng Đồn công an trong KCN và đô thị Bàu Bàng.

(3). Đất khu công nghiệp: Diện tích năm 2019 là 2.686,43ha, tăng 1.592,20ha so với hiện trạng năm 2018, chủ yếu chuyển từ đất trồng cây lâu năm. Trong năm kế hoạch 2019, chuyển tiếp thực hiện 02 dự án từ KHSDĐ năm 2017: Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (892,20ha, thuộc thị trấn Lai Uyên và xã Cây Trường 2) và Khu công nghiệp Cây Trường (700,0ha, thuộc xã Cây Trường 2).

(4). Đất thương mại dịch vụ: Diện tích năm 2019 là 80,86ha, tăng 8,51ha so với hiện trạng năm 2018 do bố trí quỹ đất để chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ ở các xã, thị trấn đặc biệt khu vực dọc các tuyến đường chính như Quốc lộ 13, đường Hồ Chí Minh, ĐT750, ĐT741B, ĐT749A,...; chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ nhà kho cho thuê xã Long Nguyên diện tích 0,75ha, kho chứa nông sản Phạm Trung Hiếu 0,2ha và hồ bơi ở xã Hưng Hòa diện tích 0,06ha.

(5). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích đất năm 2019 là 835,87ha, tăng 71,78ha so với hiện trạng năm 2018. Cụ thể bố trí quỹ đất cho các công trình sau:

- Công trình đăng ký mới năm 2019: 07 công trình với tổng diện tích 33,25ha, gồm:

+ Xưởng gia công cơ khí Trần Bội Quyên, xã Long Nguyên: 0,15ha.

+ Xưởng gia công cơ khí Lê Thị Như Ngọc, xã Long Nguyên: 0,3ha

+ Cơ sở mua bán, gia công cơ khí, xã Long Nguyên: 0,8ha

+ Cơ sở cưa xẻ gỗ Nguyễn Thị Hoa, xã Long Nguyên: 2ha.

+ Công ty sản xuất mắt kiếng: 10ha

+ Công ty chế biến sữa: 5ha

+ Công ty chế biến gỗ: 15ha.

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2018: 02 công trình với tổng diện tích 4,53ha; gồm:

+ Nhà máy cưa xẻ gỗ tại Lai Uyên: 0,44ha.

+ Dự án mở rộng chi nhánh và di dời lò nung gốm sứ tại Lai Hưng: 4,09ha.

- Bố trí quỹ đất 34ha để chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh theo nhu cầu đăng ký của các xã, thị trấn.

(6). Đất phát triển hạ tầng: Diện tích năm 2019 là 1.929,47ha, tăng 126,04ha so với hiện trạng năm 2018. Cụ thể kế hoạch bố trí các công trình, dự án đất phát triển hạ tầng trong năm kế hoạch 2019 như sau:

(6.1 Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích năm 2019 là 20,91ha, tăng 19,38ha so với hiện trạng năm 2018 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình sau:

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2018: Trung tâm văn hóa thể thao huyện Bàu Bàng (4ha ở thị trấn Lai Uyên), Nhà văn hóa và hội trường ấp 3 (0,32ha ở xã Trừ Văn Thố) và Trung tâm văn hóa thể thao của Liên đoàn Lao động Tỉnh (3ha ở thị trấn Lai Uyên).

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2017: Khu lịch sử Dinh Điền 2 (0,12ha ở xã Trừ Văn Thố), Trung tâm văn hóa thị trấn Lai Uyên (2ha ở thị trấn Lai Uyên) và Trung tâm văn hóa xã Lai Hưng (diện tích 5,92ha).

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2016: Khu Văn hóa thể thao xã Tân Hưng (diện tích 1,82ha).

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2015: Trung tâm văn hóa thể thao xã Hưng Hòa (diện tích 2,2ha).

(6.2 Đất y tế: Diện tích năm 2019 là 7,26ha, tăng 3,32ha so với hiện trạng năm 2018 do:

- Chu chuyển tăng 3,43ha do bố trí quỹ đất xây dựng trung tâm y tế huyện.

- Chu chuyển giảm 0,11ha do chuyển quỹ đất trạm y tế cũ sang xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã Hưng Hòa với diện tích 0,11ha.

(6.3 Đất giáo dục và đào tạo: Diện tích năm 2019 là 54,48ha, tăng 9,61ha so với hiện trạng năm 2018 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình sau:

- Chu chuyển tăng 9,93ha do bố trí quỹ đất để xây dựng, mở rộng các công trình đất giáo dục (Bảng 6). Các công trình này là công trình chuyển tiếp từ các năm KHSDD 2015-2018.

- Chu chuyển giảm 0,32ha do chuyển quỹ đất của trường Tiểu học Trừ Văn Thố sang xây dựng Nhà văn hóa và Hội trường ấp 3.

Bảng 6: Danh mục công trình đất giáo dục đào tạo trong năm kế hoạch 2019

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch
	Tổng		9,93
1	Trường THPT Bàu Bàng	Lai Uyên	1,41
2	Trường tiểu học Kim Đồng	Lai Hưng	1,60
3	Trường tiểu học Bàu Bàng	Lai Uyên	1,60
4	Trường mầm non Ánh Dương	Lai Uyên	1,71
5	Trường mầm non Sao Mai	Long Nguyên	0,41
6	Trường mầm non Hưng Hòa	Hưng Hòa	3,20

(6.4 Đất giao thông: Diện tích năm 2019 là 1.554,43ha, tăng 82,80ha so với hiện trạng năm 2018 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình đất giao thông (Bảng 07). Các tuyến đường giao thông nông thôn hiện nay đã có đường giao thông do UBND xã quản lý nhưng chưa thực hiện thủ tục thu hồi đất, đề xuất đưa vào KHSDD năm 2019 nhằm tạo cơ sở pháp lý để tiến hành các thủ tục đất đai.

Bảng 7: Danh mục công trình đất giao thông trong năm kế hoạch 2019*Đơn vị tính: ha*

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích tăng thêm
	Tổng		82,80
A	Công trình đăng ký mới năm 2019		
1	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 618	Lai Uyên, Tân Hưng	6,72
2	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 610	Lai Hưng, Long Nguyên	10,94
3	Đường giao thông từ QL 13 đến hết khu đất 5,92ha mà Viện NCCSVN đã bàn giao	Lai Hưng	0,89
4	Đường giao thông từ trường THCS Lai Hưng đến đường vành đai Bến Tượng	Lai Hưng	1,90
5	Đường giao thông từ khu đất 5,92ha mà Viện NCCSVN đã bàn giao đến trường THCS Lai Hưng	Lai Hưng	0,42
6	Đường giao thông từ QL 13 (nhà ông Hùng và vợ) đến đường ĐH 620	Lai Hưng	2,38
7	Đường giao thông QL 13 đến đường vành đai Lai Khê	Lai Hưng	1,43
B	Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2018		
8	Đường nhựa Long Nguyên - Long Tân (ĐH 615)	Long Nguyên	1,00
9	Đường giao thông	Lai Uyên	0,02
10	Đường tổ 7, ấp Cây Sắn (Nhà ông On đến nhà ông Tính) (gần nhà anh Tuấn)	Lai Uyên	0,88
11	Đường liên ấp Xà Mách – Cây Sắn (Nhà ông Út Dân đến nhà ông 6 Bảo) (đường nhựa UB gần nhà anh Thành)	Lai Uyên	0,24
12	Đường Tổ 6 ấp Bàu Lòng (Nhà bà 6 Bình Long đến nhà ông Lễ)	Lai Uyên	0,19
13	Đường Tổ 3 ấp Đồng Chèo (VP ấp Đồng Chèo đến giáp đường lô Nông trường Cao su Lai Uyên)	Lai Uyên	0,57
14	Đường Tổ 01 ấp Đồng Sổ (QL13 đến đất nhà ông Mí và giáp đường GTNT 6m) đường vô nghĩa địa	Lai Uyên	0,24
15	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đoạn từ ĐT 750 đến KCN Bàu Bàng)	Lai Uyên	45,60
16	Đường giao thông nông thôn ấp Hồ Muôn	Long Nguyên	2,40
17	Đường giao thông nông thôn ấp Long Thành	Long Nguyên	2,40
C	Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2017		
18	Đường giao thông ấp Hồ Muôn	Long Nguyên	0,88
19	Đường tổ 4, 5 ấp Nhà Mát	Long Nguyên	2,20
20	Đường GT tuyến ông Hoàng - cầu Bến Than	Cây Trường 2	1,50

(6).5 **Đất công trình năng lượng:** Diện tích năm 2019 là 19,37ha, tăng 10,42ha so với hiện trạng năm 2018 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình sau:

Bảng 8: Danh mục công trình đất năng lượng trong năm kế hoạch 2019*Đơn vị tính: ha*

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích tăng thêm
	Tổng		10,42
A	Công trình đăng ký mới năm 2019		
1	Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát	Trừ Văn Thố,	1,25

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích tăng thêm
		Lai Uyên, Lai Hưng	
B	Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2018		
2	Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng và đường dây 110kV Bàu Bàng - trạm 220 kV Bến Cát	Lai Hưng Lai Uyên	0,70
3	Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng 2 và đường dây đấu nối	Lai Hưng	0,70
C	Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2017		
4	Công trình các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV Bến Cát	Lai Hưng	0,30
5	Nhánh rẽ TBA 110kV Bàu Bàng	Lai Hưng	0,20
6	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110kV Far Eastern	Lai Hưng	0,35
7	Công trình TBA 110kV Lai Hưng và đường dây đấu nối	Lai Hưng	0,40
8	Công trình đường dây 110kV từ trạm 220kV Bến Cát đến trạm 220kV Chơn Thành	Lai Hưng, Lai Uyên, Trừ Văn Thố	1,00
9	Công trình TBA 110kV Thanh An và đường dây 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát	Lai Hưng	0,90
D	Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2015		
10	Đường điện 500KV Đức Hòa - Chơn Thành	Trừ Văn Thố, Cây Trường 2	4,61

(6.7 Đất chợ: Diện tích năm 2019 là 5,43ha, tăng 0,5ha so với hiện trạng năm 2018 do bố trí quỹ đất xây dựng chợ Tân Hưng.

Diện tích các loại đất hạ tầng khác vẫn giữ nguyên so với hiện trạng năm 2018 do chưa có kế hoạch bố trí công trình mới trong năm kế hoạch 2019, cụ thể: đất thể dục thể thao (11,15ha), đất thủy lợi (255,29ha), đất dịch vụ xã hội (0,37ha) và đất bưu chính viễn thông (0,77ha).

(7). Đất có di tích lịch sử văn hóa: Năm 2019 có diện tích là 2,25ha, ổn định so với hiện trạng năm 2018.

(8). Đất bãi thải, xử lý chất thải: Năm 2019 có diện tích là 2,61ha, ổn định diện tích so với năm 2018.

(9). Đất ở tại nông thôn: Năm 2019 có diện tích là 817,7ha, tăng 163,24ha so với năm 2018. Cụ thể như sau:

- Bố trí quỹ đất để chuyển mục đích đất ở của các hộ gia đình cá nhân: 22,5ha.

- Bố trí quỹ đất chuyển mục đích sử dụng đất các khu nhà ở:

+ Công trình đăng ký mới năm 2019: Khu nhà ở tập thể công nhân của Công ty CP VLXD Bình Dương ở xã Long Nguyên với diện tích 0,14ha.

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2018: khu nhà ở nông thôn Nam Long ở xã Lai Hưng với diện tích 23,02ha, khu nhà ở Nam Long 3 ở xã Long Nguyên với diện tích 16,7ha, khu nhà ở nông thôn Nam Long 2 ở xã Trừ Văn Thố với diện tích 30,1ha, khu dân cư Lai Hưng với diện tích 19,05ha.

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2017: Khu dân cư ấp Bà Tứ ở xã Cây Trường 2 với diện tích 71ha.

- Chuyển giảm 0,22ha trên địa bàn hai xã Trừ Văn Thố và Lai Hưng do thu hồi đất ở trong khu dân cư để xây dựng công trình đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát.

(10). Đất ở tại đô thị: Diện tích năm 2019 là 869,07ha, tăng 54,07ha so với năm 2018. Cụ thể như sau:

- Bố trí quỹ đất chuyển mục đích đất ở các hộ gia đình cá nhân: 6ha.

- Bố trí quỹ đất chuyển mục đích sử dụng đất các khu nhà ở:

+ Công trình đăng ký mới năm 2019: khu nhà ở Đức Phát (khu A+B) mở rộng với diện tích 5,9ha, khu nhà ở Đức Phát 3 với diện tích 30,5ha, khu dân cư Tuấn Điền Phát 3 với diện tích 11,8ha.

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2018: 06 công trình giao thuê đất theo tiến độ bồi thường với tổng diện tích 126,82ha; gồm: khu ký túc xá nhân viên (2,6ha), khu dân cư 5A (37,71ha), khu dân cư 5B (31,28ha), khu dân cư 5C (0,2ha), khu dân cư 5D (45,24ha) và khu dân cư 5F (9,79ha). Các công trình này đã được thống kê vào quỹ đất ở hiện trạng.

- Bên cạnh đó, chuyển giảm quỹ đất ở đô thị 0,13ha do thu hồi đất ở trong khu dân cư để xây dựng công trình đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát.

(11). Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2019 có diện tích là 37,66ha, tăng 0,11ha so với hiện trạng năm 2018 do bố trí xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã Hưng Hòa (công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2018).

Ngoài ra, danh mục các công trình thuộc Khu trung tâm hành chính và các công trình công cộng huyện Bàu Bàng với tổng diện tích là 7,83ha và đã được thống kê vào quỹ đất trụ sở cơ quan hiện đang trình thủ tục thu hồi, tiếp tục chuyển tiếp sang năm 2019 để thực hiện.

(12). Đất cơ sở tôn giáo: Cơ bản ổn định 4,78ha như năm 2018.

(13). Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Năm 2019 có diện tích là 39,65ha, tăng 3,5ha so với năm 2018 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình:

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2018: Công viên văn hóa nghĩa trang huyện Bàu Bàng ở xã Lai Hưng với diện tích 2ha.

- Công trình chuyển tiếp KHSDD năm 2017: Nghĩa địa cũ xã Long Nguyên với diện tích 1,5ha.

2.1.3. Chỉ tiêu đất chưa sử dụng

Năm 2019, trên địa bàn huyện Bàu Bàng không còn quỹ đất chưa sử dụng.

2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2019 do cấp huyện xác định

(1). Đất nông nghiệp khác: Năm 2019 có diện tích là 196,02ha, tăng 35,5ha so với hiện trạng năm 2018, cụ thể như sau:

- Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác cho trang trại của hộ Phạm Mỹ Kiều ở xã Lai Hưng: 11,5ha.

- Bố trí theo đăng ký nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp khác trong năm 2019 ở các xã, thị trấn. Cụ thể: xã Cây Trường (diện tích 3ha), xã Trừ Văn Thố (diện tích 4ha), xã Tân Hưng (1ha), xã Long Nguyên (5ha), thị trấn Lai Uyên (5ha), xã Lai Hưng (5ha) và xã Hưng Hòa (1ha).

(2). Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Năm 2019 có diện tích là 81,64ha, tăng 29,69ha so với năm 2018 do tiếp tục chuyển tiếp 02 dự án đang thực hiện là: khu khai thác sét gạch ngói ở xã Long Nguyên với diện tích 4,69ha và mỏ sét Long Nguyên với diện tích 17,06ha.

(3). Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2019 là 6,21ha, tăng 0,35ha so với hiện trạng năm 2018, do bố trí quỹ đất xây dựng Văn phòng ấp Đồng Chèo (0,3ha ở thị trấn Lai Uyên) và văn phòng ấp Bàu Bàng (0,05ha ở thị trấn Lai Uyên).

(4). Đất cơ sở tín ngưỡng: Ổn định 0,92ha so với hiện trạng năm 2018.

(5). Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Trong năm kế hoạch, bố trí quỹ đất 15ha để xây dựng các công trình phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của người dân trên địa bàn Huyện. Theo đó, diện tích đất khu vui chơi giải trí công trình công cộng đến năm 2019 là 15,12ha, tăng 15ha so với hiện trạng năm 2018.

(6). Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Năm 2019 có diện tích 226,62ha, ổn định so với năm 2018.

(7). Đất có mặt nước chuyên dùng: Cơ bản ổn định DT 27,37ha so với năm 2018.

(8). Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích năm 2019 là 0,45ha, ổn định so với năm 2018.

Bảng 9: Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn các xã huyện Bàu Bàng

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Toàn huyện	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Cây Trường 2	Trù Văn Thố	Tân Hưng	Long Nguyên	Lai Uyên	Lai Hưng	Hưng Hòa
1	Đất nông nghiệp	26.272,79	3.002,78	2.283,67	3.119,33	6.895,92	5.468,02	3.484,17	2.018,90
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	628,72		65,73	29,37	128,09	94,08	290,80	20,66
1.3	Đất trồng cây lâu năm	25.435,25	2.978,66	2.184,54	3.086,83	6.693,76	5.322,19	3.172,03	1.997,25
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	12,80		1,64		3,80	6,46	0,90	
1.9	Đất nông nghiệp khác	196,02	24,12	31,76	3,13	70,27	45,29	20,45	1,00
2	Đất phi nông nghiệp	7.729,32	1.461,35	480,81	179,88	645,45	3.367,91	1.293,03	300,88
2.1	Đất quốc phòng	22,07			0,58		0,50	18,77	2,22
2.2	Đất an ninh	42,15				0,27	6,50		35,38
2.3	Đất khu công nghiệp	2.686,43	1.008,00				1.422,90	160,36	95,17
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	80,86	10,31	1,24	1,19	4,82	38,52	20,25	4,53
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	835,87	2,32	90,79	1,00	84,51	273,40	373,90	9,95
2.9	Đất phát triển hạ tầng	1.929,47	260,33	278,73	116,59	217,02	674,40	293,98	88,42
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	20,91		0,44	1,82	0,14	10,39	5,92	2,20
-	Đất y tế	7,26	0,17	0,15	0,10	0,24	6,30	0,08	0,22
-	Đất giáo dục và đào tạo	54,48	2,95	1,78	1,49	3,46	29,98	9,23	5,59
-	Đất thể dục thể thao	11,15	1,11	1,98		4,19	2,30	1,57	
-	Đất dịch vụ xã hội	0,37		0,37					
-	Đất giao thông	1.554,43	200,09	115,94	111,47	201,73	583,09	263,06	79,05
-	Đất thủy lợi	255,29	53,95	153,21		5,95	39,08	3,10	
-	Đất công trình năng lượng	19,37	1,61	4,25	0,69	0,31	1,52	10,75	0,24
-	Đất bưu chính viễn thông	0,77	0,11		0,04	0,09	0,27	0,08	0,18
-	Đất chợ	5,43	0,34	0,60	0,98	0,91	1,47	0,19	0,94
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	2,25					2,05	0,20	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,61		0,46		1,97		0,18	
2.13	Đất ở tại nông thôn	817,70	120,72	97,27	50,88	157,43		346,05	45,36
2.14	Đất ở tại đô thị	869,07					869,07		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	37,66	1,40	0,53	2,30	0,91	31,27	0,89	0,36
2.16	Đất xây dựng trụ sở của TCSN	0,41					0,41		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	4,78	0,49	0,32	0,07	0,62	1,88	1,07	0,33
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	39,65	2,01	2,46	3,51	13,55	8,34	6,07	3,71
2.20	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	81,64				81,64			
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,21	0,64	0,65	1,98	1,25	1,10	0,45	0,14
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	15,12				0,12	10,00	5,00	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,92				0,44	0,07	0,41	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	226,62	55,13	8,36	1,78	80,90	27,05	38,09	15,31
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	27,37						27,37	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	0,45					0,45		

3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

- Tổng diện tích cần chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp trong năm kế hoạch 2019 là 2.068,28ha. Trong đó, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 2,0ha, đất trồng cây lâu năm là 2.066,28ha.

- Tổng diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 35,5ha, là phần diện tích chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác. Cụ thể trên địa bàn từng xã, thị trấn như bảng sau:

**Bảng 10: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019
huyện Bàu Bàng – tỉnh Bình Dương**

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Cây Trồng 2	Trừ Văn Thố	Tân Hưng	Long Nguyên	Lai Uyên	Lai Hưng	Hưng Hòa
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	2.068,28	1.087,11	47,24	9,57	80,02	765,56	67,10	11,68
-	Đất trồng cây hàng năm	2,00		0,50		1,00		0,50	
-	Đất trồng cây lâu năm	2.066,28	1.087,11	46,74	9,57	79,02	765,56	66,60	11,68
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	35,50	3,00	4,00	1,00	5,00	5,00	16,50	1,00
-	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	35,50	3,00	4,00	1,00	5,00	5,00	16,50	1,00

4. Diện tích đất cần thu hồi

Tổng diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch 2019 là 1.729,47ha, trong đó: đất nông nghiệp (đất cây lâu năm): 1.728,69ha và đất phi nông nghiệp (đất y tế, đất giáo dục và đất ở): 0,78ha. Cụ thể trên địa bàn từng xã, thị trấn như bảng sau:

**Bảng 11: Kế hoạch thu hồi đất năm 2019
huyện Bàu Bàng – tỉnh Bình Dương**

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Cây Trồng 2	Trừ Văn Thố	Tân Hưng	Long Nguyên	Lai Uyên	Lai Hưng	Hưng Hòa
1	Đất nông nghiệp	1.733,47	1.011,11	4,14	6,07	15,79	662,75	26,00	7,62
-	Đất trồng cây lâu năm	1.733,47	1.011,11	4,14	6,07	15,79	662,75	26,00	7,62
2	Đất phi nông nghiệp	0,78		0,45			0,13	0,09	0,11
-	Đất phát triển hạ tầng	0,43		0,32					0,11
-	Đất ở nông thôn	0,22		0,13				0,09	
-	Đất ở đô thị	0,13					0,13		

5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Năm 2019, trên địa bàn huyện Bàu Bàng không còn quỹ đất chưa sử dụng.

6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2019

Tổng số công trình, dự án sử dụng đất thực hiện trong năm kế hoạch 2019 trên địa bàn huyện Bàu Bàng là 102 dự án. Cụ thể:

- Nhóm công trình, dự án an ninh, quốc phòng: 4 dự án với tổng DT 3,80ha.
- Công trình, dự án do Thủ tướng chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi: 03 dự án với tổng diện tích 1.596,81ha.

- Nhóm công trình, dự án do hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất: 65 dự án, gồm 46 dự án phát triển hạ tầng và 19 dự án khác.

- Nhóm công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất: 31 công trình, dự án.

7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch 2019

- Căn cứ Luật đất đai 2013;

- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ QĐ số 04/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Căn cứ danh mục công trình, dự án đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2019 ở huyện Bàu Bàng,

Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2019 ở huyện Bàu Bàng như sau:

- Tổng thu: 323,85 tỷ đồng, chủ yếu là thu tiền sử dụng đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất ở, cho thuê đất,...

- Tổng chi: 301,96 tỷ đồng, là khoản chi đền bù giải tỏa cho khi xây dựng các công trình phi nông nghiệp mà phải đền bù khi thu hồi đất.

- Cân đối: thu – chi = +7,33 tỷ đồng.

II. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

2.1. Công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất

2.2. Trách nhiệm các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện KHSDĐ năm 2019

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Bàu Bàng được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; quán triệt kế hoạch phát triển của các ngành, các xã, thị trấn và cân nhắc khả năng đầu tư từ nguồn ngân sách và ngoài ngân sách trên địa bàn Huyện; tranh thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định các định hướng lớn về sử dụng đất trên địa bàn cũng như quy trình kỹ thuật, nội dung để xây dựng kế hoạch sử dụng đất. Nên khi được phê duyệt sẽ tạo cơ sở rất vững chắc về pháp lý, khoa học và thực tiễn để tổ chức quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn của Huyện trong năm 2019.

Kết quả nghiên cứu xây dựng kế hoạch sử dụng đất đã dự báo được nhu cầu sử dụng đất các ngành, các lĩnh vực đến quy mô từng công trình, dự án phân bố trên từng xã gắn với các tờ, thửa bản đồ địa chính cụ thể; tổng hợp thành hệ thống các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2019 theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 ở tỷ lệ 1/25.000, sơ đồ vị trí các công trình, dự án thực hiện trong năm 2019 làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Sau khi được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt, UBND huyện Bàu Bàng chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Hàng năm có báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất để báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ.